

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ – ST  
Ngày 31 tháng 8 năm 2021  
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Doãn Thị Vệ
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2021/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, (có mặt).

Nơi cư trú: Phường X, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1984, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường X, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Lê Ngọc S kết hôn ngày 14/9/2007 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống cùng gia đình anh S. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường. Vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2015 nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không còn quan tâm và bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài nên chị xin được ly hôn anh S và đề nghị Tòa án sớm xem xét giải quyết cho chị và anh S được ly hôn để cả hai có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 14/10/2012. Hiện tại các cháu đang ở cùng chị và anh S. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng D và đồng ý để anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Lê Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh S trình bày:*

Về tình cảm: Anh thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 14/9/2007 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị L về làm dâu và sống cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị L và anh vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân.

Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 14/10/2012. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh và chị L. Ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Ngọc S.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 14/10/2012. Giao cho anh Lê Ngọc S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 21/9/2008. Chị L và anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị L và anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ anh Lê Ngọc S nhưng anh S vắng mặt tại Tòa lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Ngọc S có hộ khẩu thường trú tại: Phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên,

tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 14/9/2007 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, việc chị L làm đơn xin ly hôn anh S vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Cả hai không tìm được tiếng nói chung từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù chị L, anh S vẫn sống chung một nhà nhưng trên thực tế đã sống ly thân, hoàn toàn bỏ mặc và không còn quan tâm nhau trong cuộc sống.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị L, anh S có hộ khẩu thường trú đều thể hiện: Quá trình chung sống chị L, anh S có xảy ra mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung và do bất đồng quan điểm sống. Chị L làm đơn xin ly hôn, anh S cũng đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh S có hai con chung là cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 14/10/2012. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh S và chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng D, chị đồng ý để anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M. Anh S xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Cả chị L và anh S đều không yêu cầu.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L và anh S là hoàn toàn thực tâm. Qua xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của chị L, anh S thì cả chị L và anh S đều đang công tác tại nhà máy Z199 Bộ quốc Phòng đóng tại phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên. Cả hai anh chị đều có đủ điều kiện mọi mặt để mỗi người nuôi một con. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu M và cháu D. Cháu M có nguyện vọng xin được ở với bố, còn cháu D có nguyện vọng xin ở với mẹ. Do vậy, cần giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng D; giao cho anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị L và anh S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 14/10/2012. Giao cho anh Lê Ngọc S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 21/9/2008. Chị L và anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị L và anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/ 0008964 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường X;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**